

## HOSE 13/02/2015

VNINDEX 587.24 2.58 0.44%

KLGD 73,837,820 CP

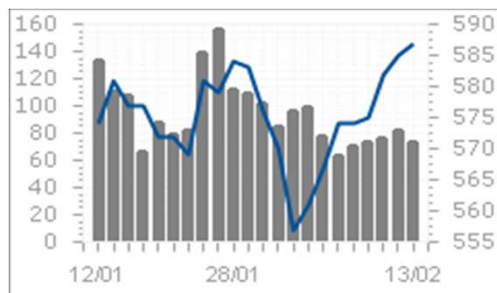
GTGD 1,210.77 Tỷ

GTR NDTNN 127.66 Tỷ

CP Tăng giá 144 CP

CP Giảm giá 61 CP

CP Đứng giá 99 CP



## HNX 13/2/2015

HNXINDEX 85.26 0.55 0.65%

KLGD 32,155,424 CP

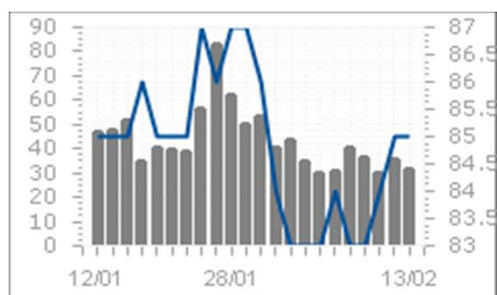
GTGD 403.29 Tỷ

GTR NDTNN 22.00 Tỷ

CP Tăng giá 105 CP

CP Giảm giá 72 CP

CP Đứng giá 202 CP



## VN30 & HNX30 INDEX

VN30 617.20 3.84 0.63%

HNX30 165.11 0.82 0.50%

## Tâm điểm

► Các chỉ số đã vượt qua các ngưỡng kháng cự trong phiên giao dịch cuối năm

► Khối ngoại vẫn tiếp tục giao dịch tích cực trên cả hai sàn

► Phân tích kỹ thuật phiên ngày 13/02/2015

► Nhận định thị trường tuần 09/02-13/02

► Giao dịch của khối ngoại trên HOSE ngày 13/02/2015

► Diễn biến vĩ mô trong nước và tình hình doanh nghiệp

► Diễn biến vĩ mô thế giới

## Thị trường / Ngành

### Theo thị trường

Thị trường / Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,068,811	14.2	2.7	18.2%	9.3%
HNX	141,093	12.4	1.7	9.6%	4.5%
<b>Toàn bộ thị trường</b>	<b>1,209,904</b>	<b>14.3</b>	<b>2.6</b>	<b>18.0%</b>	<b>8.9%</b>

### Theo ngành

Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Nhựa, cao su & sợi	6,316	6.1	0.8	12.5%	8.2%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	22,400	8.9	1.4	18.1%	11.0%
Thép và sản phẩm thép	34,297	9.9	1.7	22.3%	10.1%
Khai khoáng	12,393	73.2	6.4	-4.9%	-4.2%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	27,725	12.0	1.6	15.4%	7.9%
Xây dựng	33,142	29.5	1.1	2.3%	2.4%
Máy công nghiệp	8,883	8.9	1.3	15.3%	10.4%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,157	8.0	1.4	18.7%	13.7%
Lốp xe	8,353	11.0	2.7	24.3%	10.9%
Nuôi trồng nông & hải sản	24,461	17.6	2.1	18.8%	7.7%
Thực phẩm	191,434	23.8	4.5	19.6%	14.9%
Dược phẩm	15,936	12.4	2.7	21.4%	13.8%
Phần mềm	16,634	9.9	2.1	21.7%	9.0%
Sản xuất & phân phối điện	29,639	8.9	1.5	17.5%	8.0%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	153,486	12.6	4.1	32.4%	22.0%
Bảo hiểm nhân thọ	26,538	21.1	2.2	10.4%	2.2%
Môi giới chứng khoán	25,935	9.7	1.3	11.8%	7.9%
Ngân hàng	296,698	14.0	1.6	10.3%	0.9%
Bất động sản	158,823	15.4	2.4	17.5%	4.6%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	32,048	7.1	1.5	21.8%	9.3%

## Thống kê thị trường

► HOSE: Thống kê và nhận định thị trường

► HNX: Thống kê và nhận định thị trường

► Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

**VietinBankSc**

306 Ba Trieu

Hai Ba Trung

Hanoi

Vietnam

Tel: (844) 3974 7952

Fax: (844) 3974 1760

www.vietinbanksc.com.vn

**Nhận định VietinbankSc**

**Nhận định thị trường tuần 9/2-13/2:** Các chỉ số thị trường tăng mạnh cho thấy đà hưng phấn nhưng thanh khoản lại tiếp tục sụt giảm bởi tâm lý thận trọng của giới đầu tư những ngày giáp tết. Điểm tích cực là dòng tiền đã luân chuyển đều giữa các nhóm cổ phiếu, cùng với khối ngoại trở lại mạnh mẽ sẽ là động lực hỗ trợ các chỉ số trong thời gian tiếp theo. Tại các nhóm Market Cap, VS-Large Cap tăng mạnh nhất với mức tăng 2.86%, tiếp theo là VS-Mid Cap (1.45%), VS-Small Cap (0.91%) và VS-Micro Cap (1.41%). Trong các phiên cuối tuần, ngành ngân hàng bị điều chỉnh cản trở đà tăng song các cổ phiếu vốn hóa lớn GAS, PVD, VIC, MSN, BVH đã hỗ trợ đặc lực cho chỉ số. Dòng tiền đã dịch chuyển sang cổ phiếu đầu cơ trong 3 phiên cuối tuần như FLC, DLG, HUT, KBC... khiến thanh khoản được cải thiện đáng kể.

▶ **Diễn biến vĩ mô**

**Tin doanh nghiệp**

**EIB (HOSE): Eximbank lỗ gần 678 tỷ đồng sau thuế quý IV/2014**

Lũy kế cả năm 2014, Eximbank lãi trước thuế 68,8 tỷ đồng, lãi sau thuế 56 tỷ đồng, giảm hơn 91% so với cùng kỳ 2013. Thu nhập từ lãi thuần quý IV của Ngân hàng đạt 474,46 tỷ đồng, giảm 4% so với cùng kỳ quý IV/2013. Lãi từ kinh doanh ngoại hối đạt 28 tỷ đồng trong quý IV/2014. Eximbank ghi nhận lỗ tới 280,2 tỷ đồng trong quý IV từ hoạt động khác và lỗ 7,6 tỷ đồng từ thu nhập góp vốn. Các khoản mục này đều ghi nhận lãi trong cùng kỳ quý IV/2013. Trích dự phòng rủi ro, Eximbank ghi nhận lỗ 289,16 tỷ đồng trong quý IV. Chi phí dự phòng rủi ro trong quý cuối cùng của năm 2014 của Eximbank là 588,82 tỷ đồng, tăng gần 400% so với cùng kỳ 2013.

**Năm 2014, PVX đã có lãi hơn 80 tỷ đồng**

Doanh thu thuần trong quý IV đạt 3.456,6 tỷ đồng, gấp hơn 2 lần so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên giá vốn hàng bán tăng gấp tới gần 3 lần khiến lợi nhuận gộp sụt giảm 64,4% xuống còn 150,7 tỷ đồng. Điểm sáng trong BCTC quý IV là hoạt động tài chính trong quý IV ghi nhận hơn 171 tỷ đồng, gấp 19,6 lần cùng kỳ năm ngoái. Trong khi đó các khoản chi phí đều giảm đáng kể so với cùng kỳ. Theo đó, quý IV PVX đạt hơn 338 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, trong khi cùng kỳ lỗ hơn 451 tỷ đồng. Trong đó, phần lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ hơn 323 tỷ đồng. Lũy kế cả năm 2014, PVX đạt mức doanh thu thuần hơn 9.158,9 tỷ đồng, tăng 84,6% so với năm trước. Lợi nhuận sau thuế thu về hơn 80 tỷ đồng, trong khi năm 2013 PVX lỗ tới 2.228,3 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ năm 2013 đạt hơn 118 tỷ đồng, trong năm 2013 lỗ 1.662,7 tỷ đồng. Theo giải trình từ PVX, nguyên nhân là do PVX đã đẩy mạnh tiến độ thi công công trình nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2, công trình Nghi Sơn, công trình Viện Dầu khí phía Nam và các công trình trọng điểm khác, hoạt động sản xuất kinh doanh chính của PVX đã và đang mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp, đây là dấu hiệu tốt so với cùng kỳ năm trước.

**Diễn biến vĩ mô trong nước**

**Dự kiến bội chi ngân sách Nhà nước 226 nghìn tỷ đồng năm 2015**

Dự kiến đến 31/12/2015, dư nợ công khoảng 64% GDP, dư nợ Chính phủ khoảng 48,9% GDP, dư nợ nước ngoài của quốc gia khoảng 42,6% GDP. Mức bội chi NSNN năm 2015 là 226 nghìn tỷ đồng, tương đương 5% GDP, giảm 0,3% GDP so với năm 2014. Dự toán thu NSNN năm 2015 là 911,1 nghìn tỷ đồng, trong đó thu nội địa 638,6 nghìn tỷ đồng, thu từ dầu thô 93 nghìn tỷ đồng, thu từ xuất nhập khẩu 175 nghìn tỷ đồng, thu viện trợ 4,5 nghìn tỷ đồng. Nếu tính cả 10 nghìn tỷ đồng thu chuyển nguồn từ 2014 chuyển sang thì tổng thu NSNN năm 2015 là 921,1 nghìn tỷ đồng.

**Diễn biến vĩ mô thế giới**

**Thụy Điển hạ lãi suất xuống thấp kỷ lục dưới 0% và khởi động QE**

Ngân hàng Trung ương Thụy Điển (Riksbank) vừa hạ lãi suất chủ chốt từ 0% xuống mức thấp kỷ lục -0.1%. Đồng thời, Riksbank cũng phát động chương trình nới lỏng định lượng (QE) với việc mua vào trái phiếu Chính phủ trị giá 10 tỷ krona (tương đương 1.2 tỷ USD) để bơm tiền mặt vào nền kinh tế. Riksbank cho biết lạm phát có nguy cơ tăng không đủ mạnh. Được biết, trong vòng 12 tháng qua, giá cả tại Thụy Điển chỉ tăng 1 tháng duy nhất. Trong tháng 1 vừa qua, tỷ lệ lạm phát tại nước này đứng ở mức -0.3%. Sau thông báo của Riksbank, đồng krona giảm xuống mức thấp nhất kể từ năm 2010 so với đồng USD. Thống đốc Riksbank, Stefan Ingves, cho biết ngân hàng này sẵn sàng cắt giảm lãi suất hơn nữa và sẵn sàng mở rộng chính sách tiền tệ hơn nữa.

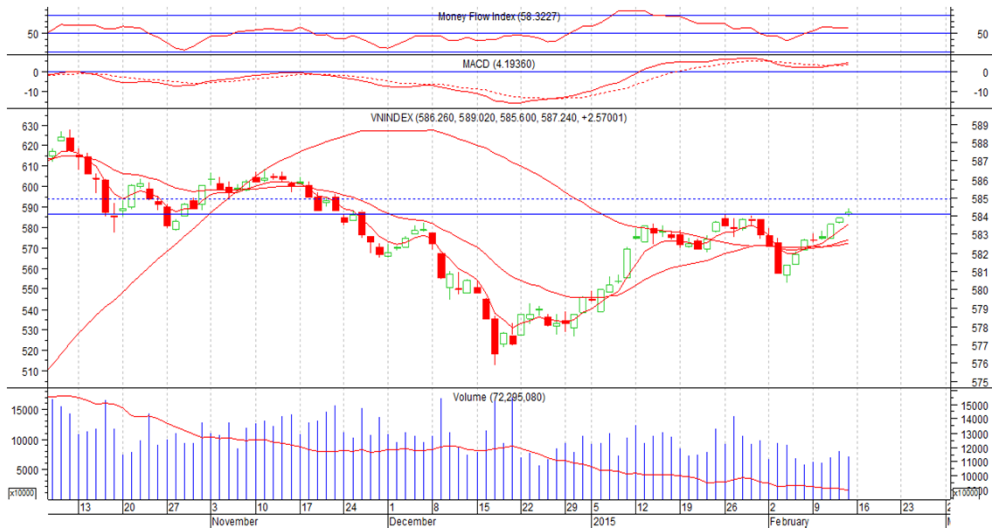
**HOSE** 13/02/2015 VNINDEX 587.24 2.58 0.44% 73,837,820 CP 1,210.77 bil VND

### Phiên tăng cuối cùng của năm Giáp Ngọ giúp Vn-Index tăng 5.52% cả năm

-Vn-Index tăng 2.58 điểm đạt 587.24 điểm một cây nến xanh thân rất nhỏ tạo khoảng trống giá đưa chỉ số vượt lên cao hơn so với MA200. Khối lượng phiên hôm nay có sự sụt giảm thể hiện sự lưỡng lự của cả bên mua và bán.

'- Chỉ số MACD vẫn tiếp tục tăng trong phiên hôm nay và ở trên đường zero, tuy nhiên MFI lại vẫn tiếp tục sụt giảm.

'- Vùng kháng cự gần nhất của Vn-Index sắp tới là 595-600



### HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.2 (1.8%)	7,733,920
HAI	0.2 (1.3%)	5,130,560
HQC	-0.1 (-1.4%)	3,803,310
DLG	-0.1 (-0.9%)	3,775,050
ITA	0.1 (1.3%)	3,040,490

### HOSE Top 5 theo % tăng

THG	1.1 (6.9%)	20,540
TMT	1.3 (6.8%)	188,890
VNG	0.7 (6.7%)	300
SFC	1.7 (6.7%)	20
VSI	0.5 (6.7%)	30

### HOSE Top 5 theo % giảm

C21	-1.5 (-6.8%)	2,520
BTT	-2.5 (-6.5%)	10,010
PTC	-0.9 (-6.5%)	350
SII	-1.3 (-5.6%)	30
VCF	-11 (-5.5%)	440

### HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

FLC	26.5 tỷ	2,352,150
BVH	16.6 tỷ	415,340
STB	15.8 tỷ	829,650
BID	15.4 tỷ	866,420
HPG	11.4 tỷ	231,440

### HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

HSG	-15.7 tỷ	- 401,220
KDC	-9.3 tỷ	- 204,340
DLG	-7.4 tỷ	- 700,000
CSM	-3.0 tỷ	- 75,110
TRC	-2.5 tỷ	- 97,320

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	6,942,920	127.66

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Kết thúc phiên giao dịch hôm nay nhiều cổ phiếu như BVH, FPT, EIB, VCB, MSN, VIC... đã hỗ trợ Vn-Index tăng phiên thứ 3 liên tiếp trong tuần cuối cùng của năm.
- ▶ Chỉ số VS-Arms HOSE tăng từ mức 0.47 lên 1.27 cho thấy các mã tăng giá và giảm giá tương đương nhau và bên mua bán đang ở trạng thái cân bằng.
- ▶ Đà tăng hôm nay vẫn duy trì đều ở các nhóm cổ phiếu, nhưng nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn vẫn giữ mức tăng lớn nhất.
- ▶ Nhóm ngành sản xuất cơ khí có mức tăng lớn nhất là 2.32%, trong khi ngân hàng, bảo hiểm, bất động sản, chứng khoán là 0.76%, 0.72%, 0.17%, 0.19%...
- ▶ Khối ngoại vẫn tiếp tục giao dịch sôi động trên HOSE với giá trị mua ròng hơn 127 tỷ đồng, mua nhiều FLC, BVH, STB, BID, HPG... bán ròng mạnh HSG, KDC...

### HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	79.0	149,705.00	12.8	4.2	33.0%	22.6%
VNM	1,000.1	106.0	106,012.57	17.3	5.3	32.6%	25.0%
VCB	2,665.0	36.5	97,273.24	21.5	2.3	10.5%	0.9%
VIC	1,454.6	50.5	73,455.03	18.2	3.8	21.1%	4.6%
CTG	3,723.4	17.8	66,276.60	12.6	1.3	8.8%	0.8%
MSN	735.8	84.5	62,175.79	474.3	4.2	-0.9%	-0.3%
BID	2,811.2	17.8	50,039.41	11.4	1.6	13.6%	0.8%
BVH	680.5	39.7	27,014.72	21.1	2.2	10.4%	2.2%
HPG	481.9	49.2	23,709.88	7.4	2.0	29.4%	13.9%
STB	1,142.5	19.1	21,821.97	8.7	1.3	14.3%	1.4%

### HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
BID	2,811.2	17.8	50,039.41	11.4	1.6	NA	TH.DOI
CTG	3,723.4	17.8	66,276.60	12.6	1.3	17.3	GIU
HAG	789.9	22.3	17,614.75	9.2	1.2	29.5	MUA
FPT	343.9	48.0	16,506.92	9.9	2.1	NA	TH.DOI
VCB	2,665.0	36.5	97,273.24	21.5	2.3	19.4	BAN
VNS	56.5	43.0	2,431.63	8.3	1.8	51.5	MUA

STT	Ma CK	Room NN	% NN	Giao dịch khớp lệnh				Giao dịch thỏa thuận				
				KL Mua	GT Mua	KL Bán	GT Bán	KL Mua	GT Mua	KL Bán	GT Bán	
<b>HOSE Top 25</b>		<b>Mua ròng NDTNN</b>										
1	FLC	147,491,142	0.10%	2,352,150	26.55	-	-	-	-	-	-	-
2	BVH	169,272,235	0.24%	445,480	17.77	30,140	1.21	-	-	-	-	-
3	STB	297,625,480	0.06%	836,650	15.96	7,000	0.13	-	-	-	-	-
4	BID	821,929,946	0.01%	871,000	15.50	4,580	0.08	-	-	-	-	-
5	HPG	29,440,408	0.43%	232,590	11.44	1,150	0.06	-	-	-	-	-
6	MSN	100,314,934	0.34%	133,650	11.23	19,000	1.59	-	-	-	-	-
7	DPM	93,086,826	0.25%	294,240	9.34	-	-	-	-	-	-	-
8	PVD	28,051,504	0.40%	250,440	14.95	109,450	6.55	-	-	-	-	-
9	HAG	135,130,470	0.25%	314,080	6.98	5,000	0.11	-	-	-	-	-
10	VCB	240,684,043	0.21%	266,300	9.72	80,410	2.94	-	-	-	-	-
11	CTG	40,188,822	0.29%	341,000	6.11	2,000	0.04	-	-	-	-	-
12	KBC	98,099,740	0.24%	329,910	5.28	-	-	-	-	-	-	-
13	DXG	30,514,355	0.19%	175,060	3.07	3,900	0.07	-	-	-	-	-
14	VIP	24,351,292	0.11%	218,330	2.79	-	-	-	-	-	-	-
15	PPC	105,108,738	0.17%	103,010	2.67	-	-	-	-	-	-	-
16	PET	21,883,607	0.18%	117,980	2.50	-	-	-	-	-	-	-
17	SSI	45,754,999	0.36%	405,260	10.93	322,010	8.71	100,000	2.71	100,000	2.71	2.71
18	NCT	11,656,747	0.02%	20,000	2.15	-	-	-	-	-	-	-
19	STT	3,003,059	0.11%	-	-	-	-	380,000	1.90	-	-	-
20	HHS	27,021,761	0.02%	99,360	1.78	-	-	-	-	-	-	-
21	SHP	44,844,458	0.01%	93,820	1.74	-	-	-	-	-	-	-
22	ITA	240,605,579	0.16%	223,740	1.72	-	-	-	-	-	-	-
23	NKG	18,875,370	0.02%	99,000	1.53	-	-	-	-	-	-	-
24	HT1	133,345,007	0.07%	88,190	1.79	20,000	0.41	-	-	-	-	-
25	PVT	91,136,600	0.13%	91,680	1.23	-	-	-	-	-	-	-

<b>HOSE Top 25</b>		<b>Bán ròng NDTNN</b>										
1	HSG	3,402,453	0.46%	65,100	2.54	466,320	18.20	-	-	-	-	-
2	KDC	56,644,455	0.27%	178,580	8.12	382,920	17.44	-	-	-	-	-
3	DLG	70,048,154	0.02%	-	-	700,000	7.44	-	-	-	-	-
4	CSM	16,733,703	0.24%	-	-	75,110	3.03	-	-	-	-	-
5	TRC	9,495,100	0.17%	4,000	0.10	101,320	2.60	-	-	-	-	-
6	CAV	13,807,580	0.01%	-	-	50,000	1.87	-	-	-	-	-
7	HCM	5	0.49%	-	-	50,000	1.62	-	-	-	-	-
8	HBC	7,854,194	0.30%	-	-	100,000	1.60	-	-	-	-	-
9	IJC	94,779,555	0.14%	54,300	0.70	160,850	2.05	-	-	-	-	-
10	NBB	140,003	0.49%	1,280	0.03	47,500	0.96	-	-	-	-	-
11	DHA	5,353,892	0.14%	12,600	0.18	70,200	1.01	-	-	-	-	-
12	KDH	10	0.49%	-	-	21,000	0.47	-	-	-	-	-
13	JVC	887,123	0.48%	11,830	0.26	30,990	0.67	-	-	-	-	-
14	MHC	6,114,671	0.04%	-	-	24,190	0.30	-	-	-	-	-
15	PAC	6,755,403	0.24%	-	-	10,000	0.24	-	-	-	-	-
16	DRH	7,600,079	0.08%	-	-	32,390	0.19	-	-	-	-	-
17	VIC	187,043,586	0.16%	741,210	37.42	745,650	37.60	-	-	-	-	-
18	GMC	4,067,243	0.14%	-	-	4,000	0.15	-	-	-	-	-
19	VHG	35,952,180	0.01%	-	-	12,000	0.15	-	-	-	-	-
20	REE	-	0.49%	-	-	4,400	0.13	-	-	-	-	-
21	HAI	16,830,427	0.01%	-	-	7,600	0.12	-	-	-	-	-
22	ICF	5,987,110	0.02%	-	-	22,000	0.11	-	-	-	-	-
23	BMC	4,674,212	0.11%	-	-	5,000	0.11	-	-	-	-	-
24	SKG	1,184,724	0.43%	380	0.02	2,390	0.11	-	-	-	-	-
25	LSS	25,426,733	0.13%	-	-	8,000	0.07	-	-	-	-	-

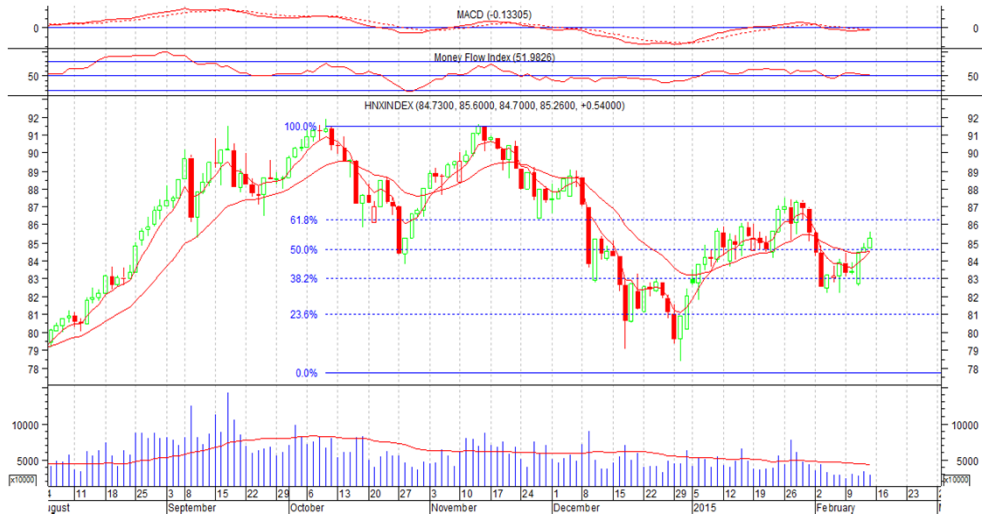
**HNX** 13/02/2015 HNX-Index 85.26 0.55 0.65% 32,155,424 CP 403.29 bil. VND

### Chỉ số HNX - Index vượt lên ngưỡng kháng cự EMA 20

-Chỉ số HNX-Index tăng 0.55 điểm, đạt 85.26 điểm, một cây nến xanh thân vừa phải không có bóng dưới giúp HNX-Index vượt lên trên ngưỡng kháng cự của Fibonacci 50% và đường EMA 20.

'- Tuy nhiên khối lượng giao dịch lại giảm cho thấy đà tăng tiếp sẽ yếu.

'- Chỉ số HNX-Index sẽ gặp ngưỡng cản mạnh ở vùng 86-87 điểm



### HNX Top 5 theo KLGD

Code	Change (%)	Volume
KLF	0 (0.0%)	3,757,730
FIT	0.4 (2.0%)	3,669,470
SDY	0.3 (9.7%)	2,401,900
PVX	0.1 (2.2%)	1,915,710
SCR	0 (0.0%)	1,518,100

### HNX Top 5 theo % tăng

Code	Change (%)	Volume
HNM	1.4 (9.9%)	186,200
BED	1.5 (9.8%)	500
CSC	1.4 (9.8%)	1,200
SDY	0.3 (9.7%)	2,401,900
DPC	1.3 (9.6%)	1,000

### HNX Top 5 theo % giảm

Code	Change (%)	Volume
TKU	-1.3 (-10.0%)	400
NFC	-3.1 (-9.4%)	13,500
QTC	-2.6 (-8.9%)	100
SFN	-1.4 (-8.3%)	1,000
NDF	-0.8 (-8.2%)	194,400

### HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

Code	Volume	Value (tỷ)
ACB	6.1 tỷ	361,000
HUT	4.9 tỷ	341,200
VND	2.6 tỷ	206,800
TNG	2.4 tỷ	103,500
SD6	1.6 tỷ	104,500

### HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

Code	Volume	Value (tỷ)
LAS	4.6 tỷ	145,000
PVS	0.3 tỷ	10,000
HMH	0.1 tỷ	3,400
WCS	0.0 tỷ	300,000
PVG	0.0 tỷ	4,200

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	1,728,000	22.00

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Với đà tăng chắc chắn từ đầu đến cuối phiên và lan đều khắp các mã trên sàn. Tuy nhiên tâm lý nghỉ ngơi khiến thanh khoản vẫn duy trì ở mức thấp.
- ▶ Chỉ số VS -Arms HNX giảm là 0.48 về 0.16 cho thấy các mã tăng giá nhiều hơn các mã giảm giá và bên mua vẫn đang chiếm ưu thế
- ▶ Sắc xanh được duy trì đến cuối phiên nhờ sự bất ngờ tăng giá của ACB với mức tăng 400đ CP, tiếp đến là PVX, VND... Dẫn đầu về thanh khoản vẫn là KLF, FIT...
- ▶ Khối ngoại vẫn tiếp tục vị thế mua ròng với giá trị gần 22 tỷ đồng. Các mã được mua ròng nhiều là ACB, HUT, VND... trong khi LAS vẫn tiếp tục bị bán ròng mạnh.
- ▶ Ngoại trừ giao dịch từ khối ngoại, tâm lý nghỉ ngơi ngày sát tết đã tác động lớn tới hoạt động mua bán, khiến giao dịch không có sự đột phá nào về giao dịch.

### HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	896.3	16.8	15,057.40	27.2	1.2	4.4%	0.3%
PVS	446.7	27.4	12,239.59	6.9	1.3	20.0%	7.0%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	67.6	8.6	-11.1%	-8.8%
SHB	886.1	8.8	7,797.53	9.7	0.8	7.7%	0.6%
VCG	441.7	12.7	5,609.73	8.4	1.0	11.8%	2.9%
OCH	200.0	24.7	4,940.00	58.1	2.4	4.1%	2.2%
PVI	225.2	18.0	4,052.85	13.8	0.7	5.1%	1.8%
VNR	131.1	24.0	3,145.82	10.3	1.3	12.8%	5.4%
NTP	56.3	53.5	3,014.15	7.2	2.1	23.4%	14.9%
LAS	77.8	32.0	2,490.62	5.6	1.7	30.3%	16.2%

### HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	27.3	1,037.40	7.5	1.1	NA	TH.DOI
ACB	896.3	16.8	15,057.40	27.2	1.2	13.0	BAN
PVS	446.7	27.4	12,239.59	6.9	1.3	NA	TH.DOI
NTP	56.3	53.5	3,014.15	7.2	2.1	NA	TH.DOI
SCR	187.7	7.9	1,482.72	39.5	0.5	NA	TH.DOI
SHB	886.1	8.8	7,797.53	9.7	0.8	NA	TH.DOI

- ▶ **Nguyễn Hữu Quang**      **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**  
quangnh@vietinbanksc.com.vn
  
- ▶ **Đặng Trần Hải Đăng**      **Phó trưởng bộ phận Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**  
dangdth@vietinbanksc.com.vn  
- Tư vấn đầu tư
  
- ▶ **Trịnh Thị Thu Phương**      thuphuong@vietinbanksc.com.vn  
- Tổng hợp thông tin vĩ mô  
- Phân tích kỹ thuật  
- Nhận định, bình luận thị trường
  
- ▶ **Nguyễn Thu Hằng**      hangntt@vietinbanksc.com.vn  
- Ngân hàng  
- Dược phẩm  
- Phân bón  
- Nước giải khát
  
- ▶ **Vũ Ánh Nguyệt**      nguyetva@vietinbanksc.com.vn  
- Cao su  
- Thủy sản  
- Dệt may  
- Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.